CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 91/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2018

(TCCS 91:2018/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **0251 3836601** Fax: **0251 3836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: **3600235305**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000136/2017/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 13/02/2017 /Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung Thức uống lúa mạch uống liền NESTLÉ MILO**

2. Thành phần: Nước, *sữa* bột tách kem (skimmed *milk* powder), PROTOMALT® 3,3% (chiết xuất từ mầm *lúa mạch* – extract from malted *barley*), đường, dầu bơ từ *sữa* (*milk* fat), dầu thực vật, bột cacao, bột whey từ *sữa* (from *milk*), sirô glucose, các khoáng chất (dicalci phosphat, magnesium carbonat, sắt pyrophosphat), các vitamin (B3, B6, B2, D), chất nhũ hóa 322(i) – chiết xuất từ *đậu nành* (*soya* lecithin), chất ổn định 407, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955) và hương vani tổng hợp

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng kể từ tháng sản xuất.

NSX: 8 tháng trước hạn sử dụng. HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Khối lượng tịnh: 115 ml/hộp; 180 ml/hộp;

Quy cách đóng gói: 4 hộp/vỉ (lốc); 48 hộp/thùng carton

- Chất liệu bao gói: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, KCN Biên Hòa 2, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.6; 1.8).

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.11; 2.23; 3.29; 4.8).

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Mục 6.1.1.2).

- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 03 tháng 12 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Hà Thị Kim Dung

Trưởng phòng đăng ký chất lượng

S.G.C.N: 4720430001180 - D.T.N.N.G
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

S.G.C.N: 4720430000180 - Đ.I.N.N.G
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

S.G.C.N: 4720430000180 - Đ.T.N.N.G
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

S.G.C.N: 4720430001 90 - Đ.I.N.NG
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

S.G.C.N: 4720430000180 - Đ.T.N.N.T.Đ.
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

S.G.C.N: 4720430001801 - Đ.T.N.N.G
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 024282 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 20230.18

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM

Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG THỨC UỐNG LÚA MẠCH UỐNG LIỀN NESTLÉ MILO**

Đặc điểm mẫu : MFD: 20/09/2018, Batch: 82636348C0.

Ngày lấy mẫu : 25/09/2018

Lượng mẫu : 06 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 25/09/2018

Người gửi mẫu : Nguyễn Văn Minh (Mẫu gửi qua bưu điện)

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Hàm lượng chất khô	TCVN 8082 - 2013	13,10 g/100g	28/09/2018
2	Đường tổng	TCVN 4074 - 2009	7,00 g/100g	28/09/2018
3	Carbohydrate	AOAC 986.25 - 2012	9,33 g/100g	03/10/2018
4	Lipid	AOAC 932.06 - 2012	1,84 g/100g	27/09/2018
5	Protein	AOAC 991.20 - 2012 (b)	1,44 g/100g	01/10/2018
6	Năng lượng	KNCL và TTVSATTP	59,64 kcal/100g	03/10/2018
7	pH	AOAC 981.12 - 2012 (b)	6,94 (ở 20°C)	04/10/2018
8	Tỷ trọng	AOAC 920.134 - 2012 (a)	1,039 g/mL (20°C)	29/09/2018
9	Phốtpho - Phosphorus (P)	HD.PP.37/TT.AAS (a)	61 mg/100g	28/09/2018
10	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	01/10/2018
11	Calci (Ca)	HD.PP.36/TT.AAS-Ref. AOAC 985.35 - 2010 (b)	62,56 mg/100 g	01/10/2018
12	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	01/10/2018
13	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	01/10/2018
14	Sắt (Fe)	HD.PP.36/TT.AAS - Ref. AOAC 985.35 - 2012	1,12 mg/100 g	01/10/2018

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
15	Natri (Na)	HD.PP.36/TT.AAS-Modify AOAC 985.35:2010 (a)	18,66 mg/100 g	01/10/2018
16	Chì (Pb)	HD.PP.08/TT.AAS - Ref. AOAC 973.35 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	01/10/2018
17	Acid béo bão hòa	ISO 15885 - 2002	0,89 g/100g	01/10/2018
18	Trans fat	Ref. AOAC 996.06, ISO15885, và ISO 12966	Không phát hiện MLOD = 10 mg/kg	03/10/2018
19	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	29/09/2018
20	Vitamin B_2 ((-)-Riboflavin)	HD.PP.23-1/TT.SK	0,17 mg/100g	28/09/2018
21	Vitamin B_3 (Niacinamide)	HD.PP.23-1/TT.SK	1,49 mg/100g	28/09/2018
22	Vitamin B_6 (Pyridoxine hydrochloride)	HD.PP.23-1/TT.SK	0,14 mg/100g	28/09/2018
23	Vitamin D (D_2 + D_3)	HD.PP.34-4/TT.SK	57,31 IU/100g	28/09/2018
24	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/09/2018
25	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/09/2018
26	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/09/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Mẫu có nhãn phụ, đựng trong hộp giấy, kín.

- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 021538/VYTCC ban hành ngày 09/10/2018 về việc thay đổi địa chỉ và tên mẫu.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Bùi Đặng Thiên Hương

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HỒ CHÍ MINH

Ths.Bs Phạm Kim Anh

Report N°: 18100205CD

Ho Chi Minh City, Date: October 02, 2018
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 02/10/2018

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL18/09941-2
Đơn hàng: FDL18/09941-2

CLIENT'S NAME : **CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM**
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : **SỐ 102/6 ĐƯỜNG SỐ 2, KHU CÔNG NGHIỆP AMATA, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description *Mô tả mẫu*	: **LIQUID** : *Dạng Lỏng*
Number of sample *Số lượng mẫu*	: 01 sample : *01 mẫu*
Sample characterisation/ condition *Tình trạng mẫu*	: Sample in paper box : *Mẫu chứa trong hộp giấy*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	: **THỰC PHẨM BỔ SUNG THỨC UỐNG LÚA MẠCH UỐNG LIỀN NESTLÉ MILO** **MFD: 20/09/2018** **BATCH: 82636348C0**
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: September 25, 2018 : *25/09/2018*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: September 26 – October 02, 2018 : *26/09/2018 – 02/10/2018*
Test requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: As applicant's requirement : *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result *Kết quả kiểm nghiệm*	: Please refer to the next page(s) : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at

DETAIL TEST DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	Unit *Đơn vị*
1. Total Plate Count *Tổng vi khuẩn hiếu khí*	ISO 4833-1:2013 (T)	< 1	cfu/mL
2. Total Coliforms *Coliform tổng*	ISO 4831:2006	Absent *Không phát hiện*	/mL
3. *E. Coli* *E. Coli*	ISO 16649-3:2015	Absent *Không phát hiện*	/mL
4. *Listeria monocytogenes* *Listeria monocytogenes*	ISO 11290-1:2017	Absent *Không phát hiện* LOD_{50} = 0.3 cfu	/25mL
5. *Staphylococcus aureus* *Staphylococcus aureus*	US FDA BAM Chapter 12 (2016)	Absent *Không phát hiện*	/mL
6. *Salmonella* spp. *Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017	Absent *Không phát hiện* LOD_{50} = 0.8 cfu	/25mL

Note/*Ghi chú*:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) is (are) designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
  Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at